| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐÔNG HẢI**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2019
(V/v Trông chấp xin ly hôn)

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
### TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Hải Đăng
*Các hội thẩm nhân dân:*
1/. Bà Phạm Thị Nhâm
2/. Bà Trần Thị Nga

***Thư ký phiên tòa***: Ông Quang Minh Nghiêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Trung Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 31/2019/TLST-HN ngày 13 tháng 02 năm 2019 về việc "trông chấp xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

**1/. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị M**, sinh năm 1975
Địa chỉ: ấp TĐ, xã LĐ Đ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

**2/. Bị đơn: Ông Nguyễn Đồng M**, sinh năm 1971
Địa chỉ: ấp TĐ, xã LĐ Đ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

*(Bà M và ông M có mặt tại phiên tòa)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Ngô Thị M và bị đơn ông Nguyễn Đồng M thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng ông bà cưới nhau vào khoảng năm 1991, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Tuy nhiên đến nay vợ chồng ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo bà M xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng ông bà sống hạnh phúc, nhưng sau khi cưới được khoảng M thời gian thì vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc

sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do ông M quá khắt khe với bà trong việc chi tiêu hàng ngày, đồng thời ông M cũng nhiều lần ghen tuông vô cớ làm bà mất uy tín với bà con hàng xóm. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được nên bà M yêu cầu xin được ly hôn với chồng bà là ông Nguyễn Đồng M.

Ông M xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng ông bà sống hạnh phúc, nhưng sau khi cưới được khoảng M thời gian thì vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Tuy nhiên những mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày của vợ chồng. Hiện nay vợ ông yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, ông yêu cầu Tòa án giải quyết của hai vợ chồng được đoàn tụ, vì hiện nay ông vẫn còn rất thương yêu vợ con. Ông mong vợ ông cho ông cơ hội, ông nhìn nhận phần lỗi trong cuộc sống vợ chồng M phần là do ông.

Về quan hệ con chung: bà M và ông M thống nhất xác định thời gian chung sống vợ chồng ông bà có 03 người con chung tên Nguyễn Minh Kha, sinh năm 1993, Nguyễn Thị Chuyền, sinh năm 1994 và Nguyễn Minh Quý, sinh năm 2005. Cả hai người con lớn đều đã lập gia đình và sống riêng, khi ly hôn ông bà không yêu cầu xem xét. Riêng người con nhỏ tên Nguyễn Minh Quý, ông bà yêu cầu tôn trọng nguyện vọng của con, nếu con sống với ai thì người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng, giáo dục. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con ông bà thống nhất không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: bà M và ông M xác định vợ chồng ông bà tự thỏa thuận. Khi ly hôn ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: bà M và ông M chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông M.

Về con chung: Đề nghị tôn trọng nguyện vọng của người con tên Nguyễn Minh Quý. Giao người con tên Nguyễn Minh Quý cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Về tài sản và nợ: không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì bà M phải bàu theo quy định của pháp luật.

# NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trông luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà M có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc trông chấp ly hôn với ông M. Ông M có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

[2] Về nội dung vụ án: bà M và ông M thống nhất xác định ông bà cưới nhau vào khoảng năm 1991, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Đến nay thì ông bà đã có con chung, nhưng vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy việc không đi đăng ký kết hôn giữa bà M và ông M là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa bà M và ông M không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà M xin ly hôn với ông M thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho bà M và ông M ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông M là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà M và ông M có 03 người con chung tên Nguyễn Minh Kha, sinh năm 1993, Nguyễn Thị Chuyền, sinh năm 1994 và Nguyễn Minh Quý, sinh năm 2005. Cả hai người con lớn đều đã lập gia đình và có cuộc sống riêng, khi ly hôn ông bà không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Riêng người con nhỏ tên Nguyễn Minh Quý thì có nguyện vọng được sống cùng với bà M. Tại phiên tòa bà M và ông M cũng thống nhất thỏa thuận giao con cho bà M dược tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao người con tên Nguyễn Minh Quý cho bà M được nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con ông bà thống nhất không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: bà M và ông M thống nhất xác định vợ chồng ông bà tự thỏa thuận, khi ly hôn ông bà không yêu cầu, nên Hội đồng xét

xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này việc thỏa thuận không thực hiện được thì ông bà có quyền khởi kiện ở M vụ án khác.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Ngô Thị M và ông Nguyễn Đồng M là vợ chồng.

2/.Về quan hệ con chung: Giao người con tên Nguyễn Minh Quý, sinh năm 2005 cho bà Ngô Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Đồng M có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: bà Ngô Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011951 ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bà Ngô Thị M và ông Nguyễn Đồng M biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

**Lưu Hải Đăng**